

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP TRÒ CHƠI TRONG RÈN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương

Tóm tắt: Kỹ năng giao tiếp (KNGT) là một trong các kỹ năng mềm có vai trò quan trọng đối với mỗi cá nhân nói chung và sinh viên (SV) nói riêng. Nhờ có giao tiếp mà tâm lý con người được hình thành và phát triển. Để giao tiếp có hiệu quả, con người cần phải có kỹ năng (KN) và KNGT chính là một nghệ thuật cần phải được học tập, trau dồi, rèn luyện thường xuyên bởi đây chính là một lợi thế để thể hiện bản thân, tiếp cận kiến thức và mở ra cho SV khả năng nắm bắt cơ hội nghề nghiệp trong tương lai. Cũng như một cuộc sống hạnh phúc tích cực, thành công được mọi người yêu mến. Sử dụng phương pháp trò chơi trong rèn KNGT có nhiều ưu điểm giúp SV có cơ hội trải nghiệm được ước mơ mình trong các tình huống chơi, phù hợp với đặc điểm của SV nghệ thuật, qua đó nhằm phát triển KN.

Từ khóa: Giao tiếp; Kỹ năng giao tiếp; Phương pháp trò chơi; Sinh viên.

UTILIZING GAME-BASED METHODS IN TRAINING COMMUNICATION SKILLS FOR STUDENTS AT NATIONAL UNIVERSITY OF ARTS EDUCATION

Abstract: Communication skills represent one of the core soft skills that play a critical role for individuals in general and university students in particular. It is through communication that human psychology is formed and developed. To communicate effectively, individuals must possess specific skills; indeed, communication capability is an art form that demands continuous learning, cultivation, and regular practice. It serves as a distinct advantage for self-expression, knowledge acquisition, and unlocking future professional opportunities for students, while fostering a positive, happy, and successful life embraced by society. Utilizing game-based methods in communication skills training offers numerous advantages, allowing students to immerse themselves in simulated play scenarios that align with the unique characteristics of art students, thereby enhancing and developing their competence.

Keywords: Communication; Communication skills; Game-based method; Students.

Nhận bài: 19/04/2026

Phản biện: 21/05/2026

Duyệt đăng: 24/05/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

KNGT được hiểu là khả năng cá nhân truyền đạt, biểu thị một cách hiệu quả những tri thức và kinh nghiệm, quan điểm của bản thân qua việc sử dụng các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong những hoàn cảnh khác nhau của quá trình giao tiếp nhằm đạt được mục đích giao tiếp. Như vậy, KN này không phải là bẩm sinh, có sẵn mà nó được hình thành trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong quá trình học tập và rèn luyện. SV Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, sau khi ra trường phần lớn sẽ hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật, là nguồn nhân lực quan trọng cho các ngành, địa phương trên khắp các vùng miền của đất nước, Vì vậy, để rèn luyện KNGT cho SV qua việc sử dụng các phương pháp, tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục, tạo cho SV cơ hội, môi trường thực tế để giao lưu thực hành trải nghiệm, từ đó rèn luyện phát triển KN.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Kỹ năng giao tiếp

2.1.1. Kỹ năng

KN là một vấn đề được nhiều nhà tâm lý học, giáo dục học trong và ngoài nước nhìn nhận từ nhiều góc độ khác nhau. Có loại quan điểm cho rằng KN là kỹ thuật của hành động, là phương

thức thực hiện hành động đã được con người nắm vững. Quan điểm khác thì cho rằng KN nghiêng về mặt năng lực của con người, nó không chỉ đơn thuần là kỹ thuật hành động mà còn là biểu hiện của năng lực, KN vừa có tính ổn định, vừa có tính mềm dẻo.

Theo N.Đ.Levito, KN là sự thực hiện có kết quả một động tác nào đó hay một hành động phức tạp hơn, bằng cách áp dụng hay lựa chọn những cách thức đúng đắn, có chiều sâu đến những điều kiện nhất định. KN có liên quan nhiều đến thực tiễn, đến việc áp dụng tri thức vào thực tiễn. Tương tự như vậy X.I.Kixengof cho rằng, KN là khả năng thực hiện hiệu quả hệ thống hành động phù hợp với mục đích và điều kiện thực hiện hệ thống hành động này. Theo ông, KN bao giờ cũng diễn ra dưới sự kiểm tra của ý thức nhiều hay ít. KN đòi hỏi việc sử dụng những kinh nghiệm đã thu được trước đây và những tri thức nhất định nào đó trong các hành động, thiếu những điều này, không thể có KN. K.K.Platonov còn nhấn mạnh đến tính linh hoạt, mềm dẻo của KN. Theo ông, người có KN không chỉ hành động có kết quả trong hoàn cảnh cụ thể mà còn phải đạt kết quả tương tự trong những điều kiện khác.

Một số các tác giả như Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Ánh Tuyết, Trần Quốc Thành... cũng quan điểm: KN là một mặt của năng lực con người thực hiện một công việc có hiệu quả.

Mặc dù có các quan điểm khác nhau về KN nhưng đều có điểm chung KN là một quá trình tâm lý, được hình thành khi con người áp dụng kiến thức vào thực tiễn. KN có được khi con người lặp đi lặp lại một nhóm hành động nhất định nào đó. Qua việc trình bày các quan điểm trên, chúng ta thấy được rằng quan niệm về KN rất đa dạng, các quan niệm trên nhìn chung không có sự mâu thuẫn, trái ngược nhau. Các tác giả theo cách nhìn chủ quan của mình mà nhấn mạnh khía cạnh này hay khía cạnh khác. Từ những quan điểm trên chúng tôi tiếp cận khái niệm KN theo quan điểm của tác giả Đặng Thành Hưng: Kỹ năng là một dạng năng lực hành động được biểu hiện ở mặt kỹ thuật của hành động, kỹ năng bao giờ cũng gắn liền với hành động, nhiệm vụ, lĩnh vực, hoàn cảnh và con người cụ thể. KN không phải sinh ra đã có, KN là sản phẩm của hoạt động thực tiễn, đó là quá trình con người vận dụng những tri thức và kinh nghiệm vào hoạt động thực tiễn để đạt được mục đích đề ra.

Như vậy, người có kỹ năng hành động trong một lĩnh vực hoạt động được biểu hiện ở những dấu hiệu sau đây:

+ Có tri thức về hành động: nắm được mục đích hành động; nắm được cách thức thực hiện hành động và các điều kiện thực hiện hoạt động.

+ Thực hiện hành động đúng với các yêu cầu của nó.

+ Hành động đạt kết quả cao theo mục đích đề ra.

+ Có thể thực hiện hành động có kết quả trong những điều kiện thay đổi.

Nghĩa là KN đòi hỏi trước hết con người phải có tri thức, kinh nghiệm cần thiết về hành động. Tuy nhiên tri thức và kinh nghiệm chưa phải là KN. KN chỉ có được khi con người vận dụng những tri thức và kinh nghiệm đó vào hoạt động thực tiễn một cách có kết quả. Có thể nói, việc vận dụng tri thức, kinh nghiệm vào hoạt động thực tiễn nhằm mục đích đề ra là điều kiện đủ để hình thành KN.

2.1.2. *Giao tiếp*

Giao tiếp (GT) là phương thức tồn tại cơ bản của mỗi cá nhân và xã hội. Nhờ có giao tiếp mà tâm lý con người được hình thành và phát triển. Có nhiều hướng nghiên cứu và các quan điểm khác nhau về vấn đề giao tiếp. Mỗi quan niệm có những cơ sở khoa học riêng của nó, theo các hướng tiếp cận khác nhau.

Theo từ điển Tâm lý học thì “Giao tiếp là quá trình thiết lập và phát triển tiếp xúc giữa các cá nhân, xuất phát từ nhu cầu phối hợp hành động. Giao tiếp gồm hàng loạt các yếu tố như trao đổi thông tin, xây dựng chiến lược hoạt động thống nhất tri giác và tìm hiểu người khác. Giao tiếp có ba khía cạnh chính là giao lưu, tác động tương hỗ và tri giác”.

Theo quan điểm của các nhà tâm lý học xã hội thì giao tiếp được xem là quá trình thông tin bao gồm việc thực hiện và duy trì sự liên hệ giữa các cá nhân. Trong nhiều công trình nghiên cứu về giao tiếp của các nhà tâm lý học Liên Xô (cũ): L.X.Vugotxki, X.L.Rubinstein, A.G.Covaliop, K.K.Platonop, G.G. Golubep... quan niệm giao tiếp là sự tiếp xúc giữa con người và con người để trao đổi thông tin, tác động lẫn nhau trên cơ sở phản ánh tâm lý của nhau.

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn cho rằng: “Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa người và người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau. Hay nói khác đi, giao tiếp xác lập và vận hành các quan hệ người - người, hiện thực hoá các quan hệ xã hội giữa chủ thể này với chủ thể khác”.

Từ các khái niệm trên chúng ta có thể thấy rằng: GT là quá trình tác động qua lại trao đổi thông tin, ảnh hưởng lẫn nhau, nhận biết lẫn nhau giữa hai chủ thể trong GT tham gia vào hoạt động thực tiễn của con người như học tập, lao động, vui chơi, giải trí...bảo đảm cho sự tác động, tham gia vào quá trình thực hiện và kiểm tra hoạt động của con người. Đó là một quá trình thiết lập mối quan hệ đa chiều giữa một người với một người hay với nhiều người, liên quan tới sự truyền đạt thông điệp và sự đáp ứng với sự truyền đạt ấy, là quá trình qua đó chúng ta phát và nhận thông tin, suy nghĩ, có ý kiến và thái độ để có được sự thông cảm và hành động tiến tới việc chia sẻ những thông tin đáp ứng. GT là quá trình nói, nghe, và trả lời để chúng ta có thể hiểu và phản ứng với nhau trải qua nhiều mức độ, từ thấp đến cao từ sự e dè ngoài đến việc bộc lộ những tình cảm sâu kín bên trong. Do vậy quan hệ người - người được xác lập, vận hành và thể hiện trong GT.

Qua các phân tích trên các nghiên cứu về giao tiếp đều công nhận GT bản chất là sự tiếp xúc về tâm lý giữa hai hay nhiều người. Trong GT diễn ra sự tác động lẫn nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, có sự trao đổi thông tin, tình cảm, thế giới quan... của

những người tham gia vào quá trình GT. Phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ, phi ngôn ngữ. Con người vừa là chủ thể, vừa là khách thể của quá trình giao tiếp.

Trong phạm vi đề tài này chúng tôi sử dụng khái niệm giao tiếp của tác giả Nguyễn Quang Uẩn làm cơ sở lý luận cho nghiên cứu thực tiễn vì nó nêu được những dấu hiệu cơ bản của giao tiếp như: Giao tiếp là hiện tượng đặc thù của con người, nghĩa là con người mới có giao tiếp thật sự. Giao tiếp được thể hiện ở sự trao đổi thông tin, tâm tư, tình cảm kinh nghiệm. Qua tiếp xúc con người nhận thức được người khác, hiểu biết về bản thân mình, nói cách khác giao tiếp dựa trên sự hiểu biết, rung cảm ảnh hưởng lẫn nhau.

2.1.3. Kỹ năng giao tiếp

Theo tác giả Nguyễn Văn Đồng thì KNGT là năng lực vận dụng có hiệu quả những trí thức về quá trình GT về những yếu tố tham gia và tác động tới quá trình này cũng như sử dụng có hiệu quả và phối hợp hài hoà các phương tiện GT ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và phương tiện kỹ thuật để đạt mục đích đã định trong GT. Tác giả cho rằng KNGT bao gồm các yếu tố như tri thức về quá trình GT, chủ thể, khách thể GT, môi trường GT, mục đích GT, sử dụng phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và các phương tiện kỹ thuật khác.

Nhóm tác giả Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc cho rằng KNGT là khả năng nhận thức nhanh chóng những biểu hiện bên ngoài và những biểu hiện tâm lý bên trong của đối tượng và bản thân của chủ thể GT; là khả năng sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách tổ chức điều chỉnh, điều khiển quá trình GT nhằm đạt được mục đích GT. Quan điểm này cho thấy KNGT được hình thành từ nhiều con đường như thói quen ứng xử trong gia đình, do vốn sống cũng như kinh nghiệm cá nhân trong quá trình ứng xử, tiếp xúc với mọi người, trong các mối quan hệ xã hội, do rèn luyện trong môi trường GT. Trong khi thể hiện KNGT, hệ thống những thao tác, cử chỉ, điệu bộ, hành vi được chủ thể GT phối hợp hài hoà hợp lý nhằm đạt được kết quả cao trong hoạt động GT với sự tiêu hao năng lượng tinh thần và cơ bắp ít nhất, trong những điều kiện thay đổi. Do vậy KNGT thực chất là sự phối hợp phức tạp giữa những chuẩn mực hành vi xã hội của cá nhân với sự vận động của cơ mắt, ánh mắt, nụ cười, tư thế đầu, cổ, vai, tay, chân đồng thời với ngôn ngữ nói, viết của chủ thể GT. Sự phối hợp hài hoà này mang nội dung tâm lý nhất định, phù hợp với mục

đích, ngôn ngữ và nhiệm vụ GT cần đạt được của chủ thể GT. Tác giả Nguyễn Ngọc Lâm cho rằng KNGT là khả năng nhận biết nhanh chóng những biểu hiện bên ngoài và đoán biết diễn biến tâm lý bên trong của người (với tư cách là đối tượng GT) trong quá trình GT đồng thời biết sử dụng ngôn ngữ có lời và không lời, biết cách định hướng để điều chỉnh, điều khiển quá trình GT nhằm đạt mục đích đã định.

Tham khảo các khái niệm về KNGT, trong phạm vi bài viết này chúng tôi nêu định nghĩa về KNGT như sau: KNGT là quá trình thực hiện có hiệu quả một hành động trong đó hoạt động giao tiếp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để tác động đến đối tượng, điều khiển bản thân, tổ chức quá trình giao tiếp nhằm đạt được mục đích đề ra. Như vậy KNGT có thể hiểu là KN được hình thành qua giáo dục, rèn luyện, bao gồm các hành vi ứng xử thích hợp trong các tình huống, hoàn cảnh cụ thể nhằm đạt hiệu quả cao trong GT

2.2. Sử dụng phương pháp trò chơi trong rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho sinh viên sư phạm

2.2.1. Phương pháp trò chơi

Theo tác giả Đặng Thành Hưng thì trò chơi là một thuật ngữ có hai nghĩa khác nhau: một là kiểu loại phổ biến của chơi. Nó chính là chơi có luật (tập hợp quy tắc định rõ mục đích, kết quả và yêu cầu hành động), và có tính cạnh tranh hoặc có tính thách thức đối với người tham gia. Hai là những thứ công việc được tổ chức và tiến hành dưới hình thức chơi, như: học bằng chơi, giao tiếp bằng chơi, rèn luyện thân thể dưới hình thức chơi. Các trò chơi đều có luật lệ, quy tắc, nhiệm vụ, yêu cầu tức là có tổ chức và thiết kế.

Như vậy trò chơi là tập hợp các yếu tố chơi có hệ thống và có tổ chức, quy tắc chính là phương tiện tổ chức tập hợp đó. Trò chơi chính là sự chơi có luật, những hành vi tùy tiện, bất giác không gọi là trò chơi.

Phương pháp trò chơi là một phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực nhận thức cho người học bởi bản chất của phương pháp này chính là nó vừa mang yếu tố chơi vừa phải tuân theo mục đích, nội dung, các nguyên tắc, hướng dẫn và động viên người học tìm kiếm và lĩnh hội tri thức, học tập và rèn luyện KN, tích lũy và phát triển các phương thức hoạt động và hành vi ứng xử xã hội, văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ... Các nhiệm vụ, quy tắc, luật chơi và các quan hệ trong trò chơi được tổ chức tương đối chặt chẽ

trong khuôn khổ các nhiệm vụ dạy học và được định hướng vào mục tiêu nội dung học tập. sử dụng trò chơi trong dạy học nói chung và trong rèn luyện và phát triển KNGT sẽ tạo được môi trường, không khí học tập vui vẻ, học tập của SV không chỉ là quá trình tiếp thu kiến thức, nó liên quan đến thực hành, hợp tác, làm việc tập thể theo tổ nhóm.

Phương pháp trò chơi được sử dụng trong rèn luyện và phát triển KNGT cho SV là loại trò chơi được thiết kế giúp SV trong quá trình tham gia trò chơi, SV phải sử dụng các giác quan để thực hiện các thao tác chơi, nhiệm vụ chơi, do đó mà các giác quan trở nên linh hoạt hơn, tư duy trừu tượng phát triển và sử dụng ngôn ngữ trở nên mạch lạc hơn. Phát triển tư duy suy xét, phản biện, tạo tâm thế chủ động cho người học. Giảng viên chỉ là người đưa ra nhiệm vụ, hướng dẫn SV cách thực tham gia, còn SV sẽ là người tham gia, chủ động tìm tòi kiến thức và giải quyết vấn đề. Từ đó, luyện tập cho SV sự tự tin và sự sẵn sàng, tích cực khi đón nhận những kiến thức mới. Việc sử dụng trò chơi tạo cho lớp học bầu không khí thoải mái và dễ chịu hơn. Từ đó, tạo cho SV sự tự giác, tích cực hơn trong việc học tập và phát triển KN.

2.2.2. Quy trình rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho sinh viên qua phương pháp trò chơi

SV Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW phần lớn đều có năng khiếu nghệ thuật. Điều này sẽ là nhân tố tạo điều kiện tốt cho việc học tập, học hỏi, giao lưu, lĩnh hội tri thức. Tuy nhiên trong quá trình giảng dạy bên cạnh những SV có ý thức được vai trò quan trọng của rèn KNGT thì một bộ phận không nhỏ chưa chú tâm trong rèn luyện KN này, nhiều SV chỉ tập trung vào trau dồi kiến thức chuyên môn, e ngại trong GT, ngại thể hiện bản thân, cũng như chưa biết cách trình bày ý tưởng, kinh nghiệm, thế mạnh năng lực của mình. Điều này dần tạo ra một thói quen không tốt, hạn chế khả năng GT, có thể giảm khả năng tiếp cận thông tin và hiệu quả công việc.

Để rèn KNGT cho SV qua phương pháp trò chơi là cách tổ chức cho SV sử dụng phương tiện ngôn ngữ để tìm hiểu một vấn đề hay thể nghiệm những hành động, thái độ, việc làm thông qua trò chơi nhằm phát triển KN diễn đạt cụ thể, dễ hiểu, linh hoạt và điều chỉnh trong quá trình giao tiếp.

* Quy trình thực hiện phương pháp trò chơi theo các bước sau:

Bước 1: Giảng viên xác định mục tiêu các KNGT cần đạt của từng nội dung sử dụng trò chơi, trên cơ sở đó xây dựng nội dung các trò chơi

Bước 2: Lựa chọn trò chơi

Bước 3: Thiết kế nội dung của từng trò chơi (soạn trò chơi, phiếu chơi, câu hỏi trắc nghiệm, hình ảnh...)

Bước 4: Thiết kế luật chơi, cách chơi, tiến hành...

Sau các bước chuẩn bị cho việc tổ chức trò chơi, cần chuẩn bị các đồ dùng, thiết bị, phương tiện tổ chức trò chơi, chuẩn bị phần thưởng...

* Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp trò chơi:

- Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề bài học, với đặc điểm và trình độ SV, với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học, đồng thời phải không gây nguy hiểm cho SV.

- SV phải nắm được quy tắc chơi và phải tôn trọng luật chơi.

- Phải quy định rõ thời gian, địa điểm chơi.

- Phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của SV, tạo điều kiện cho SV tham gia tổ chức, điều khiển tất cả các khâu: từ chuẩn bị, tiến hành trò chơi và đánh giá sau khi chơi.

- Trò chơi phải được luân phiên, thay đổi một cách hợp lý để không gây nhàm chán cho SV.

- Sau khi chơi, giáo viên cần cho SV thảo luận để nhận ra ý nghĩa giáo dục của trò chơi.

Minh họa: - Trò chơi rèn KN diễn đạt cụ thể dễ hiểu.

Bước 1: Xác định mục tiêu cần đạt

SV diễn đạt thông tin, suy nghĩ và ý tưởng của mình một cách thân thiện, cởi mở, tâm huyết. đầy đủ và ấn tượng trong thời gian có hạn về mục đích của trò chơi, cách chơi, nội dung của trò chơi. KN này sử dụng ngôn ngữ lời nói là chủ đạo, kết hợp cùng với ngôn ngữ cơ thể tạo sự hấp dẫn lôi cuốn mọi người tích cực tham gia vào hoạt động chung.

Bước 2: Giới thiệu tên trò chơi, luật chơi, cách chơi trò chơi Bịt mắt bắt dê như sau: Tên gọi của trò chơi là: Bịt mắt bắt dê, nhiệm vụ của trò chơi này là người bị bịt mắt sẽ phải đi qua các chướng ngại vật được sắp xếp ngẫu nhiên, qua hướng dẫn của bạn chơi để về đích. luật chơi của trò chơi này như sau: Chia thành 2 cặp chơi, mỗi cặp 2 người, một người bịt mắt và người còn lại sử dụng lời nói hướng dẫn cho bạn chơi để họ không va vào chướng ngại vật. Đội nào về đích trước sẽ thắng cuộc.

Bước 3: Chọn 2 đội chơi ngẫu nhiên. SV không tham gia vào trò chơi được chia thành 2 nhóm có nhiệm vụ quan sát và ghi lại phân thi của một đội.

Bước 4: Nhận xét đánh giá: Tổ chức cho SV nhận xét và đánh giá các kỹ năng được đặt ra trong trò chơi

Nhận xét: Trò chơi diễn ra với nhịp điệu nhanh, gay cấn đối tượng chơi bị bịt mắt không nhìn thấy nên sự phối hợp ăn ý của các thành viên trong đội chơi, cách chỉ dẫn, cảm xúc ngôn ngữ cũng như KN diễn đạt bằng lời nói rõ ràng mạch lạc dễ hiểu đặc biệt được chú trọng. Qua đó giúp SV tích cực rèn luyện trau dồi vốn từ phong phú cách diễn đạt tự tin, rõ ràng, cũng như biết quan tâm giúp đỡ, hợp tác cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bài tập luyện tập:

1. Xây dựng khái niệm – nhìn hình ảnh, diễn đạt để người nghe hiểu và nêu được tên hình ảnh đó.

2. Chọn một thông điệp bất kỳ miêu tả để người khác hiểu về thông điệp đó.

III. KẾT LUẬN

Giao tiếp là phương thức tồn tại cơ bản của

mỗi cá nhân và xã hội. Muốn hoạt động GT diễn ra có hiệu quả và mang đến lợi ích thì mỗi người cần phải có KN và KNGT chính là KNGT chính là một nghệ thuật cần phải được học tập, trau dồi và rèn luyện thường xuyên. Bởi KNGT không chỉ bao gồm khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt mà còn là sự kết hợp nhiều khả năng quan trọng khác như khả năng lắng nghe, khả năng sử dụng ngôn ngữ hình thể, khả năng kiểm chế và biểu hiện cảm xúc... để diễn đạt quan điểm và suy nghĩ của cá nhân trang bị KNGT để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, sống thân thiện và có văn hóa là một yêu cầu quan trọng trong xã hội hiện đại, đặc biệt đối với SV, giúp họ biết cách ứng xử với các vấn đề trong cuộc sống, công việc và phát triển lĩnh vực nghề nghiệp của bản thân trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- A.N Leonchiev (1998), Những vấn đề phát triển tâm lý, Matxcova
 Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc (2007), Hoạt động - Giao tiếp – Nhân cách, Nxb ĐHSP
 B. PhLomov (2000), Những vấn đề lý luận và phương pháp luận Tâm lý học, Nxb ĐHQGHN
 Vũ Dũng (2008) Từ điển Tâm lý học, Nxb Từ điển Bách khoa
 Nguyễn Văn Đồng (2010), Tâm lý học giao tiếp, Nxb Chính trị - Hành chính.
 Đặng Thành Hưng (2016), “Vai trò của kỹ năng trong sự phát triển con người”, Tạp chí Khoa học dạy nghề, số 31, tháng 4/2016.
 Đặng Thành Hưng (2002), Dạy học hiện đại: Lí luận - Biện pháp - Kỹ thuật, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
 Nguyễn Xuân Thúc (chủ biên), Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Văn Thạc, Trần Quốc Thành, Hoàng Anh, Lê Thị Bùng, Vũ Kim Thanh, Nguyễn Kim Quý, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Đức Sơn (2013), Giáo trình tâm lý học đại cương, Nxb Đại học Sư phạm
 Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (2008), Giáo trình Tâm lý học đại cương, Nxb Thế giới, Hà Nội.(24/65)
 Viện Khoa học giáo dục (2002), Hoạt động, giao tiếp và chất lượng giáo dục, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.